

Số: 47/2010/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 06 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án
Khoa học và Công nghệ cấp thành phố”**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2009/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ cấp thành phố”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất 5 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, giám đốc các sở, thủ trưởng cơ quan, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thành Thống

QUY ĐỊNH

Đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ cấp thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2010/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2010
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định việc đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng và xử lý vi phạm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố (gọi tắt là đề tài), bao gồm:

- a) Đề tài khoa học và công nghệ (KH&CN).
- b) Dự án khoa học và công nghệ.
- c) Đề tài khoa học xã hội và nhân văn (KHXH).
- d) Dự án sản xuất thử nghiệm (SXTN).

2. Việc đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố bao gồm: có sử dụng và không sử dụng ngân sách nhà nước (kinh phí do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ cấp thực hiện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đánh giá nghiệm thu đề tài quy định tại Điều 1 Quy định này.
2. Các đơn vị chức năng thuộc Sở KH&CN, các cơ quan chủ quản và cơ quan chủ trì đề tài.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

Việc đánh giá nghiệm thu đề tài phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Căn cứ vào hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là hợp đồng) đã được ký kết đối với đề tài có sử dụng ngân sách nhà nước. Trường hợp đề tài không sử dụng ngân sách nhà nước, sẽ căn cứ vào hồ sơ do cá nhân, tổ chức cung cấp.
2. Các nội dung đánh giá được quy định tại quy định này.
3. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác.
4. Tiến hành đúng quy trình, thủ tục nêu tại Quy định này.

Điều 4. Phương thức đánh giá

Việc đánh giá được thực hiện theo hai cấp, gồm đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây viết tắt là đánh giá cấp cơ sở) và đánh giá nghiệm thu cấp thành phố (sau đây viết tắt là đánh giá cấp thành phố), cụ thể như sau:

1. Đánh giá cấp cơ sở:

a) Đánh giá cấp cơ sở là đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở (sau đây viết tắt là Hội đồng đánh giá cấp cơ sở) do cơ quan chủ trì đề tài thực hiện.

b) Trường hợp đề tài không sử dụng ngân sách nhà nước, việc đánh giá cấp cơ sở sẽ tùy thuộc vào tổ chức và cá nhân đề nghị đánh giá.

2. Đánh giá cấp thành phố:

a) Đánh giá cấp thành phố là đánh giá kết quả đề tài thông qua Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp thành phố (sau đây viết tắt là Hội đồng đánh giá cấp thành phố).

b) Việc đánh giá cấp thành phố chỉ thực hiện khi được Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại “Đạt”.

c) Đối với đề tài có kết quả nghiên cứu là các sản phẩm có thể đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính...), thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ còn được thẩm định bởi Tổ Chuyên gia trước khi tổ chức họp Hội đồng đánh giá cấp thành phố.

Điều 5. Kinh phí tổ chức đánh giá

Kinh phí tổ chức đánh giá đề tài được chia làm 2 loại, cụ thể như sau:

1. Đề tài có sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Kinh phí đánh giá cấp cơ sở được lấy từ kinh phí thực hiện đề tài.

b) Kinh phí đánh giá cấp thành phố được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của thành phố.

c) Trường hợp tổ chức đánh giá lại kết quả đề tài (chỉ thực hiện 1 lần trong 1 đề tài, được đánh giá ở cấp cơ sở hoặc cấp thành phố), kinh phí tổ chức đánh giá được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của thành phố.

d) Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và tài liệu của đề tài theo yêu cầu của hội đồng các cấp do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài tự trang trải.

2. Đề tài không sử dụng ngân sách nhà nước:

a) Kết quả đề tài được chuyển giao cho Sở KH&CN, kinh phí đánh giá cấp cơ sở (nếu có) sẽ do tổ chức và cá nhân tự chi, còn kinh phí đánh giá cấp thành phố được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của thành phố.

b) Kết quả đề tài không được chuyển giao cho Sở KH&CN, thì các chi phí liên quan đến việc đánh giá nghiệm thu sẽ do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài tự trang trải.

c) Các mức chi cho việc đánh giá nghiệm thu được thực hiện theo các quy định hiện hành có liên quan.

Chương II

ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ

Điều 6. Thành phần và số lượng hồ sơ nộp đánh giá cấp cơ sở

1. Thành phần hồ sơ nộp đánh giá cấp cơ sở:

a) Hợp đồng và thuyết minh đề tài kèm theo.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả của đề tài (*theo mẫu D1-1-HDBC*).

c) Nhận xét về tình hình tổ chức thực hiện đề tài (*theo mẫu D1-2-NXTCTH*).

d) Biên bản kiểm tra định kỳ tình hình triển khai thực hiện đề tài của Sở KH&CN.

e) Các văn bản, tài liệu có liên quan khác (văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu; tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá, thử nghiệm các sản phẩm do các tổ chức có thẩm quyền; bản vẽ thiết kế; các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài...).

2. Số lượng hồ sơ nộp đánh giá cấp cơ sở gồm 06 (sáu) - 08 (tám) bộ hồ sơ (bản sao), cụ thể như sau:

a) 01 (một) bộ hồ sơ lưu tại cơ quan chủ trì.

b) 05 (năm) - 07 (bảy) bộ hồ sơ để gửi tới các thành viên Hội đồng đánh giá cơ sở (quy định tại Điều 8 Quy định này).

Điều 7. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá cấp cơ sở

1. Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá cấp cơ sở:

a) Chậm nhất 60 ngày trước khi kết thúc thời hạn của đề tài (ghi trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh - nếu có).

b) Trường hợp đề tài không hoàn thành đúng tiến độ thực hiện đã cam kết (trong hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh), trước thời điểm kết thúc hợp đồng 90 ngày, chủ nhiệm và cơ quan chủ trì đề tài phải có văn bản đề nghị gia hạn thực hiện đề tài gửi Sở KH&CN xem xét.

2. Cơ quan chủ trì kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Hồ sơ hợp lệ được gửi tới từng thành viên Hội đồng trước cuộc họp ít nhất 07 ngày.

3. Việc tổ chức đánh giá cấp cơ sở phải được thực hiện và hoàn thành trước thời điểm kết thúc thực hiện đề tài.

Điều 8. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm tư vấn giúp thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài trong việc đánh giá kết quả đề tài so với hợp đồng và các văn bản thỏa thuận, điều chỉnh (nếu có).

2. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định thành lập, cụ thể như sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên. Trong đó có: 01 chủ tịch, 02 ủy viên phản biện (1 trong 2 ủy viên phản biện sẽ kiêm giữ chức Phó Chủ tịch) và các Ủy viên Hội đồng.

b) Cơ quan chủ trì đề tài cử 01 người làm thư ký khoa học.

c) Số người của cơ quan chủ trì đề tài tham gia Hội đồng không quá 1/2 tổng số thành viên Hội đồng.

d) Chủ nhiệm đề tài và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài không được làm thành viên của Hội đồng.

3. Yêu cầu đối với các thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở:

a) Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài;

b) Là chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia Hội đồng đánh giá với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực và khách quan;

c) Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện ngoài các điều kiện trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn, có trình độ khoa học từ đại học trở lên. Trường hợp đặc biệt, do Thủ trưởng cơ quan chủ trì quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm và quyền hạn sau:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá cấp cơ sở, nhận xét đánh giá kết quả đề tài (theo mẫu D1-3-PLNXCS);

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá;

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu chủ nhiệm và cơ quan chủ trì đề tài cung cấp các tài liệu của đề tài để phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện và thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng quy định tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng phối hợp với cơ quan chủ trì đề tài quyết định tổ chức và chủ trì các phiên họp Hội đồng đánh giá cấp cơ sở; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở (*theo mẫu D1-4-BCHTHS*);

b) Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt;

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc kết quả nghiên cứu của đề tài;

d) Thư ký khoa học giúp Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho phiên họp Hội đồng; ghi chép các ý kiến thảo luận, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá cấp cơ sở theo quy định.

Điều 10. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành phần chính tham dự cuộc họp của Hội đồng bao gồm thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, đại diện cơ quan chủ trì đề tài và đại diện các đơn vị có liên quan khác.

2. Cuộc họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng, trong đó có Chủ tịch và phải có mặt ít nhất 1 Ủy viên phản biện (Ủy viên phản biện còn lại vắng mặt phải có phiếu nhận xét). Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, thì phải có mặt cả 2 Ủy viên phản biện.

3. Quy trình làm việc của Hội đồng:

a) Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng) chủ trì phiên họp của Hội đồng.

b) Chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của đề tài.

c) Các thành viên Hội đồng trình bày nhận xét đánh giá và nêu câu hỏi đối với những vấn đề chưa rõ về kết quả đề tài.

d) Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét đánh giá về kết quả đề tài của thành viên Hội đồng vắng mặt (nếu có); đại biểu tham dự nêu câu hỏi về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài.

e) Chủ nhiệm đề tài giải đáp, làm rõ các vấn đề liên quan đến đề tài theo yêu cầu của hội đồng và các đại biểu.

g) Hội đồng thảo luận kín và tiến hành đánh giá kết quả đề tài;

h) Hội đồng thảo luận và thông qua kết luận về kết quả đánh giá, xếp loại của đề tài, trong đó nêu rõ những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện.

Điều 11. Nội dung đánh giá kết quả đề tài và xếp loại đề tài cấp cơ sở

1. Nội dung đánh giá kết quả đề tài khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV):

a) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính của đề tài so với yêu cầu của hợp đồng đã ký kết;

b) Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (mức độ cụ thể, rõ ràng, phù hợp); tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật của các số liệu, tư liệu;

c) Giá trị khoa học của đề tài;

d) Ý nghĩa thực tiễn của đề tài;

e) Tính trung thực của kết quả nghiên cứu.

2. Nội dung đánh giá kết quả đề tài, dự án KH & CN:

a) Về các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng; tính xác thực của việc thực hiện các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm, các số liệu điều tra khảo sát;

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so sánh với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm đăng ký của Thuyết minh và Hợp đồng;

c) Mức chất lượng (mức độ ổn định và khả năng lặp lại của kết quả đạt được) và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với mức đã đăng ký của Thuyết minh và Hợp đồng;

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và tài liệu cần thiết kèm theo: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn... (đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lôgic).

3. Nội dung đánh giá kết quả dự án Sản xuất Thử nghiệm (SXTN):

a) Tổ chức triển khai dự án;

b) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của Dự án so với số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm của Thuyết minh dự án và Hợp đồng;

c) Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với Hợp đồng;

d) Chất lượng của Báo cáo tổng hợp kết quả dự án và tài liệu cần thiết kèm theo: các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn.

4. Xếp loại đề tài, dự án KH&CN, đề tài KHXH, dự án SXTN:

Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại đề tài vào một trong hai mức "Đạt" hoặc "Không đạt" cụ thể như sau:

a) Mức "Đạt" nếu đề tài được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng nhất trí đánh giá đã hoàn thành cơ bản các nội dung nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này. Đề tài xếp loại ở mức "Đạt" sẽ được tiếp tục đánh giá cấp thành phố.

b) Mức "Không đạt" nếu đề tài không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại điểm a khoản này.

Điều 12. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với đề tài được hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

Tổ chức chủ trì phối hợp với Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ để chuẩn bị cho đánh giá cấp thành phố (theo mẫu D1-4-BCHTHS).

2. Trường hợp kết quả đề tài xếp loại ở mức "Không đạt", có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu nhưng không quá 06 tháng theo quy định sau:

a) Để được xem xét gia hạn, đề tài phải được Hội đồng đánh giá cấp cơ sở kiến nghị gia hạn và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp cơ sở và phương án xử lý) thông qua Ban chủ nhiệm chương trình (đối với các đề tài thuộc chương trình - nếu có) trình Sở KH&CN;

b) Trong vòng 15 ngày, Sở KH&CN xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài;

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Quy định này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài.

3. Sở KH&CN căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xem xét, xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này (không được Hội đồng đánh giá cấp cơ sở kiến nghị gia hạn);

b) Được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “Không đạt” (kết quả đánh giá lần thứ 2 của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở ở mức “không đạt”).

Chương III

ĐÁNH GIÁ CẤP THÀNH PHỐ

Điều 13. Thành phần và số lượng hồ sơ nộp đánh giá cấp thành phố

1. Thành phần hồ sơ đánh giá cấp thành phố:

a) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp thành phố của cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài.

b) Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở đã được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

c) Quyết định thành lập Hội đồng và biên bản đánh giá cấp cơ sở.

d) Văn bản xác nhận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện đề tài (*theo mẫu D2-1-DSTGTH*).

e) Báo cáo giải trình các nội dung đã được bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá cấp cơ sở (*mẫu D1-4-BCHTHS*).

g) Nhận xét về tình hình tổ chức thực hiện đề tài (*theo mẫu D1-2-NXTCTH*) đã được bổ sung và hoàn thiện sau đánh giá cấp cơ sở.

h) Trường hợp đặc biệt đối với đề tài không sử dụng ngân sách nhà nước, tài liệu để đánh giá nghiệm thu cấp thành phố sẽ dựa trên yêu cầu của Sở KH&CN và các tài liệu, sản phẩm cung cấp của tổ chức, cá nhân cần đánh giá.

2. Số lượng hồ sơ nộp đánh giá cấp thành phố:

a) 01 (một) bộ hồ sơ được đề cập tại khoản 1 Điều này.

b) 01 (một) báo cáo tóm tắt tổng hợp kết quả của đề tài.

Điều 14. Thời hạn nộp hồ sơ và tổ chức đánh giá cấp thành phố

1. Trong vòng 30 ngày kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, chủ nhiệm, cơ quan chủ trì đề tài có trách nhiệm nộp hồ sơ đánh giá cấp thành phố cho Sở KH&CN.

2. Sở KH&CN kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định hoặc yêu cầu chủ nhiệm, cơ quan chủ trì đề tài bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (trường hợp cần thiết).

3. Hồ sơ hợp lệ được Sở KH&CN gửi đến từng thành viên Hội đồng trước phiên họp ít nhất 07 ngày.

4. Việc tổ chức đánh giá cấp thành phố phải được thực hiện và hoàn thành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá hợp lệ (trường hợp đặc biệt phải được Giám đốc Sở KH&CN giải quyết).

Điều 15. Hội đồng đánh giá cấp thành phố và tổ chuyên gia

1. Hội đồng đánh giá cấp thành phố có trách nhiệm tư vấn giúp Sở KH&CN đánh giá kết quả đề tài theo quy định.

2. Tổ chuyên gia (thành lập trong trường hợp đề tài có sản phẩm đo kiểm được) có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài theo yêu cầu của Sở KH&CN.

3. Hội đồng đánh giá cấp thành phố và Tổ chuyên gia do Sở KH&CN quyết định thành lập.

4. Yêu cầu đối với các thành viên Hội đồng đánh giá cấp thành phố:

a) Có chuyên môn về KH&CN, kinh tế, quản lý phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b) Là các chuyên gia có uy tín, sẵn sàng tham gia Hội đồng đánh giá với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan;

c) Các Ủy viên phản biện Hội đồng ngoài các yêu cầu trên phải là chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn, có trình độ khoa học từ Thạc sĩ trở lên. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở KH&CN quyết định.

5. Ngoài các yêu cầu quy định nêu tại khoản 4 Điều này, thành viên Hội đồng còn phải tuân thủ các điều kiện sau:

a) Thành viên Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có thể tham gia Hội đồng đánh giá cấp thành phố nhưng không quá ba (03) thành viên. Trong đó: Chủ tịch, Ủy viên phản biện Hội đồng đánh giá cấp cơ sở không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên phản biện của Hội đồng đánh giá cấp thành phố;

b) Chủ nhiệm và các cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện đề tài không được làm thành viên Hội đồng đánh giá đề tài đó;

6. Hội đồng đánh giá cấp thành phố có từ 07 đến 09 thành viên; bao gồm Chủ tịch, 02 Ủy viên phản biện (1 trong 2 Ủy viên phản biện sẽ kiêm giữ chức Phó Chủ tịch) và các Ủy viên Hội đồng, trong đó:

a) Có từ $\frac{1}{2}$ đến $\frac{2}{3}$ thành viên là các chuyên gia KH&CN có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài;

b) Có từ $\frac{1}{3}$ đến $\frac{1}{2}$ thành viên là các chuyên gia về kinh tế, quản lý đại diện cho các tổ chức sản xuất - kinh doanh có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, cơ quan quản lý và các tổ chức khác có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài.

7. Tổ chuyên gia có từ 03 đến 05 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng và các chuyên gia ngoài Hội đồng (nếu cần thiết).

Thành viên tổ chuyên gia phải là các chuyên gia có kinh nghiệm, am hiểu sâu về chuyên môn khoa học công nghệ, có trình độ khoa học từ Thạc sĩ trở lên. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở KH&CN quyết định.

8. Các chuyên gia, đặc biệt là các Ủy viên phản biện của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, xét chọn đề tài được ưu tiên mời tham gia Hội đồng. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời 01 chuyên gia đang công tác tại cơ quan chủ trì đề tài làm Ủy viên Hội đồng.

9. Giúp việc cho Hội đồng ngoài 01 Thư ký khoa học đã đề cập, còn có 01 Thư ký hành chính là chuyên viên của cơ quan quản lý đề tài.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên Hội đồng và Tổ chuyên gia

1. Thành viên Hội đồng đánh giá cấp thành phố có trách nhiệm và quyền hạn:

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu đánh giá, nhận xét kết quả đề tài (theo mẫu D2-2-PLNXTTP), gửi phiếu nhận xét tới Sở KH&CN;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến tư vấn trong quá trình đánh giá;

c) Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Yêu cầu Sở KH&CN, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện và Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng nêu tại khoản 1 Điều này còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch Hội đồng phối hợp với Sở KH&CN quyết định thời gian họp và chủ trì các phiên họp của Hội đồng đánh giá.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng điều hành Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt;

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc kết quả nghiên cứu của đề tài và gửi phiếu nhận xét đề tài cho Sở KH&CN;

d) Thư ký khoa học giúp Chủ tịch Hội đồng ghi chép các ý kiến thảo luận tại các phiên họp, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá theo ý kiến kết luận tại cuộc họp đánh giá của Hội đồng.

3. Trách nhiệm của thành viên Tổ chuyên gia:

a) Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm khoa học công nghệ (mẫu sản phẩm, mô hình, bản vẽ thiết kế, báo cáo thử nghiệm, ứng dụng, các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm của đề tài, dự án đã được các cơ quan có thẩm quyền chứng nhận... *theo mẫu D2-3-NX.TCG*)

b) Khảo sát tại hiện trường, yêu cầu tổ chức đo kiểm các thông số kỹ thuật của sản phẩm (nếu cần thiết);

c) Tổ trưởng tổ chuyên gia lập báo cáo thẩm định (*theo mẫu D2-4-BCTD.TCG*) và gửi Sở KH&CN trước khi tổ chức cuộc họp Hội đồng đánh giá cấp thành phố 10 ngày.

4. Thư ký hành chính có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ tài liệu và các điều kiện cần thiết theo quy định phục vụ các cuộc họp của Hội đồng.

Điều 17. Hợp Hội đồng đánh giá cấp thành phố

1. Thành phần chính tham dự các cuộc họp của Hội đồng đánh giá cấp thành phố bao gồm:

a) Thành viên Hội đồng đánh giá.

b) Đại diện cơ quan chủ trì.

c) Đại diện cơ quan chủ quản (nếu có).

d) Đại diện các đơn vị có liên quan khác (nếu có).

2. Hợp Hội đồng đánh giá cấp thành phố được thực hiện như sau: họp Tổ chuyên gia (tổ chức khi cần thiết) và họp đánh giá cấp thành phố (sau khi có báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia).

Hội đồng đánh giá cấp thành phố họp lệ khi phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch và phải có mặt ít nhất 1 Ủy viên phản biện (Ủy viên phản biện còn lại vắng mặt phải có phiếu nhận xét). Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, thì phải có mặt cả 2 Ủy viên phản biện.

Chủ nhiệm đề tài được tham dự và giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả thực hiện đề tài tại các lần họp của Hội đồng.

3. Hợp Tổ chuyên gia (nếu có) gồm các nội dung sau:

a) Đại diện Tổ chuyên gia nêu những nội dung và yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá.

b) Tổ trưởng tổ chuyên gia chủ trì cuộc họp theo trình tự sau:

- Chủ nhiệm đề tài trình bày tóm tắt kết quả khoa học công nghệ;

- Các thành viên Tổ chuyên gia nêu câu hỏi đối với Chủ nhiệm đề tài về kết quả và các vấn đề liên quan của đề tài;

- Chủ nhiệm đề tài trả lời các câu hỏi của Tổ chuyên gia;

- Tổ chuyên gia trao đổi, thống nhất về các thông số kỹ thuật đo đạc, kiểm định và lập báo cáo thẩm định gửi Sở KH&CN.

4. Hợp đánh giá cấp thành phố:

Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp đánh giá theo trình tự sau:

a) Đại diện Sở KH&CN nêu những nội dung và yêu cầu chủ yếu đối với việc đánh giá nghiệm thu.

b) Chủ nhiệm đề tài trình bày tóm tắt kết quả khoa học công nghệ.

c) Các Ủy viên hội đồng trình bày nhận xét đề tài đã được cung cấp sẵn trước.

d) Thư ký khoa học đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

e) Hội đồng thảo luận kín, các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá xếp loại đề tài.

f) Hội đồng thảo luận, thống nhất, kết luận từng nội dung.

g) Trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung, công việc đã thực hiện đúng hợp đồng để Sở KH&CN, cơ quan có liên quan xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 18. Nội dung và thang điểm đánh giá kết quả đề tài

1. Đối với đề tài Khoa học Xã hội và Nhân văn:

a) Phương pháp nghiên cứu của đề tài (điểm đánh giá tối đa 15 điểm).

b) Giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu (điểm đánh giá tối đa 55 điểm).

c) Giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu (điểm đánh giá tối đa 25 điểm).

d) Tổ chức thực hiện đề tài (điểm đánh giá tối đa 05 điểm).

2. Đối với đề tài Khoa học và Công nghệ:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu của đề tài so với thuyết minh (điểm đánh giá tối đa 50 điểm).

b) Giá trị khoa học của các kết quả KHCN của đề tài (điểm đánh giá tối đa 10 điểm).

c) Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN (điểm đánh giá tối đa 30 điểm).

d) Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Đề tài (điểm đánh giá tối đa 10 điểm).

3. Đối với dự án Khoa học và Công nghệ:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản kết quả nghiên cứu, thực hiện của Dự án KHCN so với Hợp đồng (điểm đánh giá tối đa 40 điểm).

b) Giá trị khoa học của các kết quả KHCN của Dự án KHCN (điểm đánh giá tối đa 20 điểm).

c) Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN (điểm đánh giá tối đa 25 điểm).

d) Đánh giá về tổ chức và quản lý, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án KHCN (điểm đánh giá tối đa 15 điểm).

4. Đối với dự án Sản xuất Thử nghiệm:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản của kết quả thực hiện Dự án SXTN theo yêu cầu của Hợp đồng (điểm đánh giá tối đa 45 điểm).

b) Giá trị khoa học của các kết quả KH&CN của Dự án SXTN (Về tính mới, tính sáng tạo của Dự án SXTN) (điểm đánh giá tối đa 10 điểm).

c) Giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KH&CN (điểm đánh giá tối đa 25 điểm).

d) Đánh giá về tổ chức và quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của Dự án SXTN (điểm đánh giá tối đa 20 điểm).

Điều 19. Nguyên tắc chấm điểm và xếp loại kết quả đề tài

1. Nguyên tắc chấm điểm kết quả đề tài, dự án KH&CN, đề tài KH&CN, dự án SXTN:

a) Việc chấm điểm đánh giá kết quả đề tài được căn cứ theo các phiếu nhận xét - đánh giá của các thành viên Hội đồng (*theo mẫu D2-2-PLN&XTP*).

b) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã quy định cho từng nội dung đánh giá.

c) Điểm của đề tài là điểm trung bình của tổng số điểm ghi trong các phiếu đánh giá hợp lệ.

d) Trường hợp điểm đánh giá của thành viên chênh lệch quá 30% so với điểm trung bình của các thành viên còn lại thì không hợp lệ.

2. Xếp loại kết quả đề tài, dự án KH&CN, đề tài KH&CN, dự án SXTN:

a) “Xuất sắc”: Đề tài đạt tổng số điểm trung bình hợp lệ từ 85 đến 100 điểm.

b) “Khá”: Đề tài đạt tổng số điểm trung bình hợp lệ từ 70 đến dưới 85 điểm.

c) “Trung bình”: Đề tài đạt tổng số điểm trung bình hợp lệ từ 50 đến dưới 70 điểm.

d) “Không đạt” trong trường hợp khi đề tài có tổng số điểm trung bình hợp lệ dưới 50 điểm.

Điều 20. Đánh giá về tổ chức thực hiện

1. Sở KH&CN tiến hành đánh giá và xếp loại về tổ chức thực hiện của đề tài (*theo mẫu D2-5-DGTCTH*), cụ thể như sau:

a) Đánh giá tiến độ thực hiện.

b) Đánh giá về tình hình sử dụng.

2. Xếp loại về tổ chức thực hiện của đề tài được chia thành 02 mức: “Đạt” hoặc “Không đạt”, cụ thể như sau:

a) Mức “Đạt” khi có đủ các điều kiện:

- Nộp hồ sơ đánh giá đúng hạn.

- Sử dụng kinh phí thực hiện đề tài đúng theo quy định hiện hành.

b) Mức “Không đạt” nếu vi phạm một trong các trường hợp:

- Nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu không đúng thời gian theo quy định này;

- Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền).

Điều 21. Xử lý và báo cáo kết quả đánh giá

1. Đề tài được đánh giá xếp loại ở mức “Xuất sắc”, “Khá” và “Trung bình” trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có kết quả đánh giá cấp thành phố, chủ nhiệm đề tài hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng và gửi Sở KH&CN. Sở KH&CN kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của đề tài.

2. Trường hợp kết quả đề tài xếp loại ở mức “Không đạt”, nếu chưa được gia hạn trong quá trình đánh giá cấp cơ sở thì có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện nhưng không quá 06 tháng theo quy định sau:

a) Để được xem xét gia hạn, đề tài phải được Hội đồng đánh giá cấp thành phố kiến nghị gia hạn và cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp thành phố và phương án xử lý) trình Sở KH&CN.

b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị, Sở KH&CN xem xét, thông báo ý kiến về việc gia hạn.

c) Sau thời gian gia hạn, việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của Quy định này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài.

3. Sở KH&CN căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá cấp thành phố, xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a) Không được gia hạn theo quy định tại khoản 2 điều này (kết luận của Hội đồng đánh giá cấp thành phố lần thứ 1 ở mức “Không đạt”);

b) Được gia hạn theo quy định tại khoản 2 điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức “Không đạt” (kết luận của Hội đồng đánh giá cấp thành phố lần thứ 2 ở mức “Không đạt”).

4. Trường hợp đề tài có kết quả đánh giá về tổ chức thực hiện ở mức “Không đạt”, Sở KH&CN căn cứ vào mức độ vi phạm tiến hành xử lý theo quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan.

5. Chủ nhiệm đề tài thực hiện việc đăng ký, lưu trữ theo quy định hiện hành và nộp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (bản sao - đây là kết quả của việc đăng ký, lưu trữ đề tài) cho Sở KH&CN.

Chương IV

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, THANH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án

Việc công nhận kết quả thực hiện đề tài được áp dụng đối với cả hai trường hợp được đánh giá ở mức “Đạt” và “Không đạt”.

1. Nội dung công nhận kết quả thực hiện bao gồm:

- a) Đánh giá kết quả đề tài;
- b) Đánh giá tổ chức thực hiện đề tài.

2. Tài liệu để được công nhận bao gồm:

- a) Biên bản họp Hội đồng đánh giá cấp thành phố;
- b) Bản đánh giá tổ chức thực hiện đề tài;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (bản sao).

3. Công nhận kết quả thực hiện đề tài:

Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Sở KH&CN có trách nhiệm xem xét ra quyết định công nhận kết quả đánh giá (theo mẫu D2-6-QDCNKQ).

Điều 23. Thanh lý hợp đồng

1. Khi kết thúc đề tài chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì phải thực hiện nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Sau khi có quyết định công nhận kết quả đánh giá (theo mẫu D2-6-QDCNKQ), Sở KH&CN chủ trì thực hiện đánh giá, kiểm kê và bàn giao sản phẩm, tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài.

3. Việc thanh lý hợp đồng giữa các bên tham gia ký hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả quyết toán, kiểm kê tài sản và bàn giao sản phẩm của đề tài.

Điều 24. Xử lý vi phạm

1. Chủ nhiệm đề tài tùy theo trường hợp và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét và xử lý, cụ thể như sau:

a) Sở KH&CN xem xét xử lý theo quy định hiện hành trong các trường hợp:

- Kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức “Không đạt” và không được chấp nhận gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả.

- Đề tài bị các cơ quan quản lý có thẩm quyền đình chỉ trong quá trình thực hiện do vi phạm các nguyên tắc quản lý.

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với đề tài theo hợp đồng.

- Nộp hồ sơ đánh giá, hồ sơ hoàn thiện sau nghiệm thu không đúng thời gian đã quy định.

b) Trường hợp vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý về tài chính đối với kinh phí của đề tài (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền), hoặc phát hiện hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực kết quả đánh giá ở mức “Xuất sắc”, “Khá”, “Trung bình” sẽ bị hủy bỏ và xử lý theo mức “Không đạt” và không được làm chủ nhiệm các nhiệm vụ cấp thành phố trong thời hạn 05 năm.

c) Trường hợp không thực hiện việc đăng ký, lưu giữ kết quả đề tài sẽ không được giao chủ trì nhiệm vụ cấp thành phố cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

2. Tổ chức chủ trì đề tài sẽ không được giao chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cấp thành phố trong các trường hợp sau:

a) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng;

b) Có từ 01 nhiệm vụ cấp thành phố đã quá hạn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở từ 12 tháng trở lên.

3. Công chức, viên chức của tổ chức chủ trì đề tài và cơ quan quản lý KH&CN vi phạm các quy định đánh giá sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành.

4. Thành viên Hội đồng đánh giá vi phạm quy định đánh giá thì bị xử phạt theo quy định hiện hành và không được mời tham gia hội đồng đánh giá trong thời hạn 03 năm kể từ khi có quyết định xử phạt.

5. Trường hợp phát hiện hội đồng vi phạm quy định đánh giá, Sở KH&CN, cơ quan chủ trì có thể yêu cầu Hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại hoặc thành lập Hội đồng mới để bảo đảm việc đánh giá được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Hướng dẫn thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Quy định này đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đề tài cấp thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thành Thống

DANH MỤC CÁC MẪU

(Ban hành kèm theo Quyết định 46/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Quy định đánh giá nghiệm thu đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ cấp thành phố)

TT	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu
I	Cấp cơ sở	
	- Mẫu D1-1-HDBC	Hướng dẫn Báo cáo Tổng hợp Kết quả đề tài, dự án.
	- Mẫu D1-2-NXTCTH	Nhận xét về tình hình tổ chức thực hiện đề tài.
	- Mẫu D1-3-PLNXCS	Phụ lục Phiếu nhận xét - đánh giá cấp cơ sở.
	- Mẫu D1-3.1-PNXCS-KHCN	Phiếu nhận xét - đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài/dự án KH học và Công nghệ cấp cơ sở.
	- Mẫu D1-3.2-PNXCS-SXTN	Phiếu nhận xét - đánh giá nghiệm thu kết quả dự án Sản xuất nghiệm cấp cơ sở.
	- Mẫu D1-3.3-PNXCS-KHXH	Phiếu nhận xét - đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài Khoa học Xã hội cấp cơ sở.
	- Mẫu D1-4-BCHTHSCS	Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá cơ sở.
II	Cấp thành phố	
	- Mẫu D2-1-DSTGTH	Danh sách tác giả thực hiện đề tài/dự án cấp thành phố.
	- Mẫu D2-2-PLNXTP	Phụ lục Phiếu nhận xét - đánh giá cấp thành phố.
	- Mẫu D2-2.1-PNXTP-DTKHCN	Phiếu nhận xét - đánh giá nghiệm thu đề tài Khoa học và Công nghệ cấp thành phố
	- Mẫu D2-2.2-PNXTP-DTKHXH	Phiếu nhận xét - đánh giá nghiệm thu đề tài Khoa học và Xã hội thành phố.
	- Mẫu D2-2.3-PNXTP-DASXTN	Phiếu nhận xét - đánh giá nghiệm thu dự án Sản xuất thử nghiệm cấp thành phố.
	- Mẫu D2-2.4-PNXTP-DAKHCN	Phiếu nhận xét - đánh giá nghiệm thu dự án Khoa học và Công nghệ cấp thành phố.
	- Mẫu D2-3-NX.TCG	Phiếu nhận xét, thẩm định sản phẩm khoa học và công nghệ của dự án của thành viên Tổ chuyên gia.
	- Mẫu D2-4-BCTD.TCG	Báo cáo thẩm định sản phẩm khoa học và công nghệ của đề tài/dự án cấp thành phố.
	- Mẫu D2-5-DGTCTH	Đánh giá về tổ chức thực hiện đề tài/dự án.
	- Mẫu D2-6-QDCNKQ	Quyết định về việc công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án KH học và Công nghệ cấp thành phố.